TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 150/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 11- 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Tiến.

2. Ông Võ Dương Băng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký TAND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Lương Phước Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị P**, sinh năm 1979; có mặt.

Địa chỉ: Đội 12, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1969; có mặt.

Địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2008 tại UBND xã T, huyện S. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh T và chị P không cùng quan điểm sống dẫn tới nhiều lần xô xát, đánh đập nhau, không quan tâm, lo lắng cho con, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi cho đến cuối năm 2009 thì chị và anh T ly thân.

Nay chị thấy tình cảm của chị và anh T không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 người con chung tên: Phạm Tú S, sinh ngày 26/6/2009. Hiện cháu S đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị P thay đổi yêu cầu: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không cho ai vay mượn.

Bị đơn anh Phạm Ngọc T không có bản tự khai nhưng tại phiên tòa anh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2008 tại UBND xã T, huyện S. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi chị P sinh con được một tháng, anh có nói chị và con về xã T ở thì anh và chị P cãi vã nhau, anh có đánh người nhà của chị P, nên người nhà chị P hăm dọa anh, nên anh sợ từ đó không đến nhà chị P nữa, vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay, phần ai nấy sống. Nay chị P xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 01 người con chung tên: Phạm Tú S, sinh ngày 26/6/2009. Hiện cháu S đang ở với chị P. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Do điều kiện kinh tế của anh khó khăn nên anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không cho ai vay mượn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án khi Tòa án tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật: Căn cứ vào Điều 28; 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 53; 56; 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa anh T và chị P thỏa thuận thuận tình ly hôn, vì vậy ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị P được ly hôn. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị P: Giao cháu Phạm Tú S, sinh ngày 26/6/2009 cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không cho ai vay mượn, nên không xem xét. Chị P phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cũng như triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, nhưng anh T không đến Tòa án, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Ngọc T kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S vào ngày 20/6/2008. Anh T và chị P là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh T nhiều lần đánh đập chị P, nên từ năm 2009 chị P và anh T sống ly thân từ đó đến nay, phần ai nấy sống không còn quan tâm tới nhau.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh T và chị P đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy ghi nhận sự thỏa thuận của của chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Ngọc T, cho chị P và anh T ly hôn, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P và anh T có 01 người con chung là Phạm Tú S, sinh ngày 26/6/2009.

Ngày 05/11/2018 tại Đơn nguyện vọng của cháu S, cháu xin được ở với chị P.

Xét thấy: Hiện cháu S đang ở với chị P, có cuộc sống ổn định và chị P đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Tại phiên tòa anh T và chị P thỏa thuận giao cháu S cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo nguyện vọng của cháu S. Vì vậy ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị P: Giao cháu Phạm Tú S cho chị P

tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình

[4] Về tài sản chung: Anh T, chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T, chị P khai không nợ ai, không cho ai vay mượn, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị P phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 147; 227; 235; 266; 271 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Ngọc T thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị P. Anh T và chị P có 01 người con chung: Phạm Tú S, sinh ngày 26/6/2009.

Giao cháu Phạm Tú S cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Ngọc T không phải dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000,đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000,đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000824 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Tịnh. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

+ Kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ